

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/07/2025

V/v: Kiện Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2025, tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kiều H, sinh năm: 1981 (Vắng mặt có đơn xin vắng).

Nơi thường trú: Thôn 2, xã T, huyện K (Nay là Thôn 2, xã K), tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn O, sinh năm: 1971 (Vắng mặt).

Nơi thường trú: Thôn 2, xã T, huyện K (Nay là Thôn 2, xã K), tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi Hồ Thị Kiều H và ông Nguyễn O đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, chúng tôi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/05/1999. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc 9 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, áp lực vấn đề kinh tế do làm ăn khó khăn, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Tháng 3 năm 2021, tôi bỏ nhà đi vào thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và kiếm việc làm để nuôi sống bản thân và phụ giúp kinh tế cho hai con học hành, còn ông O sinh sống như thế nào thì tôi không quan tâm và rất ít khi về nhà. Vì vậy, từ tháng 3 năm 2021 đến nay, tôi và ông O đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại để hỏi việc học hành của các con. Bản thân tôi xác định đã hết tình cảm với chồng từ lâu nhưng muốn đợi các con trưởng thành thì mới làm thủ tục ly hôn để tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý và việc học của các cháu. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội để quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn O.

- Về con chung: Tôi và ông Nguyễn O có 02 con chung, cháu Nguyễn Hồ T, sinh ngày 09/02/2000 và cháu Nguyễn Hồ Anh Q, sinh ngày 28/08/2001. Hiện nay các cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn O trình bày:**

Tôi và bà Hồ Thị Kiều H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/05/1999. Sau khi về chung sống, vợ chồng tôi sống với nhau rất hạnh phúc. Đến năm 2020 bản thân tôi bị bệnh phải điều trị thời gian lâu, tốn kém, năm 2021 bà H làm ăn thất bại phải vào Thành phố Hồ Chí Minh kiếm việc làm để lo trả nợ nên vợ chồng sống xa nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng chứ cả hai không có mâu thuẫn gì, bản thân tôi cũng không có vấn đề tật xấu gì. Nay bà H muốn ly hôn với tôi thì tôi mong muốn vợ suy nghĩ lại vì các con chưa lập gia đình, tôi muốn vợ chồng cùng lo lắng nhắc nhở các con nên tôi không muốn ly hôn. Trường hợp bà H vẫn kiên quyết muốn ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và bà H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ T, sinh ngày 09/02/2000 và cháu Nguyễn Hồ Anh Q, sinh ngày 28/08/2001. Hiện nay các cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Kiều H được ly hôn với ông Nguyễn O.

Về con chung: Vợ chồng bà H, ông O có 02 con chung là Nguyễn Hồ T, sinh ngày 09/02/2000 và Nguyễn Hồ Anh Q, sinh ngày 28/08/2001. Hiện nay, Tuấn và Quân đều đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Kiều H, ông Nguyễn O không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều H khởi kiện xin ly hôn đối với ông Nguyễn O, thường trú tại xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (Nay là TAND khu vực 4 – Đắk Lắk) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 28 tháng 02 năm 2025 của bà Hồ Thị Kiều H, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều H, bị đơn ông Nguyễn O tại phiên toà: Nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị

đơn ông Nguyễn O đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025, tuy nhiên ông O vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều H, bị đơn ông Nguyễn O là có căn cứ.

[2]. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều H:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Hồ Thị Kiều H và ông Nguyễn O khai nhận: Ông O và bà H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 16/05/1999, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 9 năm, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, áp lực vấn đề kinh tế do làm ăn khó khăn, ông O thường xuyên đau ốm dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Năm 2021, bà H bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh sống, rất ít khi về nhà nên bà H và ông O đã sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại vì các con.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông O. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục số 40) cho thấy: “Trong quá trình vợ chồng ông, bà chung sống tại địa phương, chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của hai vợ chồng vì không có đơn yêu cầu địa phương hòa giải. Tuy nhiên đến năm 2021 bà H làm ăn thua lỗ bế nợ nên đã vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và thỉnh thoảng mới trở về địa phương”.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và phân xác minh tại địa phương, nhận thấy từ năm 2021, bà H đã bỏ nhà vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, và từ đó đến nay không sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó có đủ cơ sở chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà Hồ Thị Kiều H và ông Nguyễn O đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kiều H, cho bà Hồ Thị Kiều H được ly hôn với ông Nguyễn O là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Bà Hồ Thị Kiều H và ông Nguyễn O có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Hồ T, sinh ngày 09/02/2000 và cháu Nguyễn Hồ Anh Q, sinh

ngày 28/08/2001. Hiện nay cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị Kiều H, ông Nguyễn O không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Hồ Thị Kiều H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hồ Thị Kiều H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Kiều H được ly hôn với ông Nguyễn O.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Hồ T, sinh ngày 09/02/2000 và cháu Nguyễn Hồ Anh Q, sinh ngày 28/08/2001 hiện nay cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Kiều H, ông Nguyễn O không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồ Thị Kiều H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Đắk Lắk) theo biên lai số 0003083 ngày 12/03/2025.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã K.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Quang Vinh